

Số:16/2018/QĐST- HNGĐ

Điện Bàn, ngày 13 tháng 12 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN,
TỈNH QUẢNG NAM**

Căn cứ Điều 212, 213, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 15/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Trần Thị Thảo N – Sinh năm: 1994.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 9, Phường Hòa Thọ T, quận Cẩm L, thành phố Đà Nẵng.

Nơi cư trú: khối Cỏ A 4, phường Điện Nam Đ, thị xã Điện B, tỉnh Quảng Nam.

2. Anh Dương V – Sinh năm: 1990.

Nơi ĐKKHKT: Tổ 9, Phường Hòa Thọ T, quận Cẩm L, thành phố Đà Nẵng.

Nơi cư trú: Thôn Triêm T 1, xã Điện P, thị xã Điện B, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị Thảo N và anh Dương V kết hôn với nhau vào ngày 13 tháng 7 năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa T, quận Cẩm L, thành phố Đà Nẵng. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện.

Quá trình chung sống hạnh phúc, vợ chồng đã sinh được hai con chung thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo lời khai của chị N là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh V ích kỷ, nhả mọn về tài sản. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Trần Thị Thảo N làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Dương V.

Anh Dương V thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V nghi ngờ chị N ngoại tình. Nay chị Trần Thị Thảo N yêu cầu ly hôn thì anh Dương V cũng thuận tình ly hôn.

Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân thị xã Điện B đã hoà giải để vợ chồng chị N và anh V về đoàn tụ chung sống, xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy con chung nhưng chị N và anh V vẫn không về đoàn tụ chung sống mà yêu cầu được thuận tình ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù đã được hoà giải. Do đó, căn cứ vào biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con. Căn cứ các Điều 51, 55, 57 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thảo N và anh Dương V là phù hợp.

[2] Về con chung:

Chị N và anh V có hai con chung:

Dương Thị Tuyết N – Sinh ngày 01 tháng 3 năm 2013.

Dương Nhật Q – Sinh ngày 18 tháng 11 năm 2015.

Chị Trần Thị Thảo N và anh Dương V thỏa thuận: Giao hai con Dương Thị Tuyết N và Dương Nhật Q cho anh Dương V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trần Thị Thảo N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 500.000 đồng/con cho đến khi cháu N và cháu Q thành niên (đủ 18 tuổi). Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận thuận sự thỏa về con chung giữa chị Trần Thị Thảo N và anh Dương V là phù hợp.

[3] Về tài sản chung: Không có; về nợ chung: Không có.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị Thảo N và anh Dương V phải chịu lệ phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thảo N và anh Dương V.

- Về con chung: Giao hai con Dương Thị Tuyết N – Sinh ngày 01 tháng 3 năm 2013 và Dương Nhật Q – Sinh ngày 18 tháng 11 năm 2015 cho anh Dương V trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Trần Thị Thảo N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 500.000 đồng/con cho đến khi cháu N và cháu Q thành niên (đủ 18 tuổi). Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 12 năm 2018. Chị Trần Thị Thảo N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con.

- Về tài sản chung: Không có; về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trần Thị Thảo N và anh Dương V phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001599 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Điện B. Chị N và anh V đã nộp đủ lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thị xã Điện B;
- UBND phường Hòa Thọ T, Quận Cẩm L;
thành phố Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Thái Điền